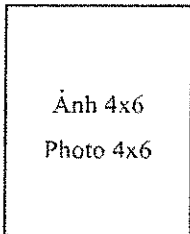


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
THAI NGUYEN UNIVERSITY
THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness



ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
APPLICATION FORM

Vui lòng đánh dấu tick (X) vào phương án lựa chọn và trả lời vào các chỗ để trống của các câu hỏi sau đây.
Please tick (X) the appropriate box or complete the following answers

1. Tôi muốn nhập học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ : tháng năm
(I would like to attend Thai Nguyen University of Technology from: : month year)

2. Thông tin cá nhân (Personal Information)

Họ và tên:

Full Legal Name

(as it appears on your passport) Họ (Last Name) Tên đệm (Middle Name) Tên (First Name)

Số hộ chiếu (Passport number):

Ngày sinh (Date of birth): (DD/MM/YY):

Nơi sinh (Place of Birth):

Quốc tịch (Nationality):

Tình trạng hôn nhân (Marital Status):

☐ Độc thân (Single) ☐ Đã kết hôn (Married) ☐ Đã ly dị (Divorced)

Giới tính (Gender): ☐ Nam (Male) ☐ Nữ (Female) ☐ Khác (Others)

3. Địa chỉ liên lạc (Contact Information)

Số nhà (House No.): Đường/phố (Street/ Ward):

Thành phố (City)

Tỉnh (Province)

Mã bưu điện/ Thành phố (Postal Code):

Quốc gia (Country):

Email:

Điện thoại (Phone):

4. Đăng ký dự tuyển (*Apply to program*)

a. Chương trình đại học (*Undergraduate programs*):

* Chương trình tiên tiến (học bằng tiếng Anh) (*Advanced programs (Study in English)*):

☐ Kỹ thuật Cơ khí
Mechanical Engineering

☐ Kỹ thuật Điện
Electrical Engineering

* Chương trình đại học (đào tạo bằng tiếng Việt) *Other programs in Vietnamese*:

☐ Kỹ thuật Cơ khí
Mechanical Engineering

☐ Kiến trúc
Architecture

☐ Kỹ thuật vật liệu
Material Engineering

☐ Công nghệ chế tạo máy
Machine Manufacturing Technology

☐ Kỹ thuật Cơ điện tử
Mechatronics Engineering

☐ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
Electrical and Electronic Engineering Technology

☐ Kỹ thuật điện
Electrical Engineering

☐ Công nghệ kỹ thuật ô tô
Automotive Engineering Technology

☐ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hoá
Control and Automation Engineering

☐ Công nghệ Kỹ thuật cơ khí
Mechanical Engineering Technology

☐ Kỹ thuật Điện tử - viễn thông
Electronics & Telecommunication Engineering

☐ Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
Control Engineering Technology and Automation

☐ Kỹ thuật máy tính
Computer Engineering

☐ Kinh tế công nghiệp
Industrial Economics

☐ Kỹ thuật cơ khí động lực
Mechanical and Motive Engineering

☐ Quản lý công nghiệp
Industrial Management

☐ Kỹ thuật xây dựng
Construction Engineering

☐ Ngôn ngữ Anh
English Language

☐ Kỹ thuật môi trường
Environment Engineering

Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ
(*English for Science and Technology*)

b. Các chương trình sau đại học *Graduate programs*:

* Trình độ thạc sĩ *Master's Degree*:

☐ Kỹ thuật Cơ khí
Mechanical Engineering

☐ Kỹ thuật Viễn thông
Telecommunication Engineering

☐ Kỹ thuật điện
Electrical Engineering

☐ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hoá
Control and Automation Engineering

☐ Kỹ thuật Điện tử
Electronics Engineering

☐ Kỹ thuật cơ khí động lực
Mechanical and Motive Engineering

* Trình độ tiến sĩ *Doctorate Degree*:

☐ Kỹ thuật Cơ khí
Mechanical Engineering

☐ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hoá
Control and Automation Engineering

☐ Kỹ thuật Điện tử
Electronics Engineering

☐ Kỹ thuật cơ khí động lực
Mechanical and Motive Engineering

5. Tiểu sử học tập (*Profile of studying*)

5.1. Bậc phổ thông (*High school*)

Tên trường (<i>School name</i>)	Thời gian (<i>Duration</i>)	Ngôn ngữ học tập (<i>Language of Study</i>)	Địa chỉ trường (<i>School Address</i>)

5.2. Bậc đại học/ sau đại học (*Under-graduate and graduate levels*)

Bậc học (<i>Level</i>)	Tên trường (<i>Name of university/ college</i>)	Địa chỉ (<i>Address</i>)	Thời gian (từ.. đến) (<i>Duration</i>)	Chuyên ngành (<i>Major</i>)	Điểm TB chung (<i>GPA</i>)

6. Trình độ ngôn ngữ (*Language Proficiency*)

6.1. Trình độ tiếng Việt (*Vietnamese Proficiency*)

Bạn đã từng học tiếng Việt chưa?

Have you learnt Vietnamese?

☐ Rồi (*Yes*)

☐ Chưa (*Not yet*)

Trình độ (*Vietnamese Level*):

Tên đầy đủ của đơn vị đào tạo TN (*Full name of Vietnamese training institution*):

Đơn vị cấp chứng chỉ (*Name of certificate's issuing institution*):

Ngày cấp (*Date of Issue*):

Bạn có đang tham gia khóa học tiếng Việt nào không? ☐ Có (*Yes*)

☐ Không (*No*)

Are you taking part in any Vietnamese course?

Nếu có, vui lòng ghi tên đầy đủ của đơn vị đào tạo (*If yes, State fullname of the institution*):

Nếu chưa, bạn có muốn đăng ký 1 khóa dự bị tiếng Việt không? ☐ Có (*Yes*) ☐ Không (*No*)
(*If not yet, do you want to register for a preparatory Vietnamese language*)

6.2. Trình độ tiếng Anh (English Proficiency)

Bạn có tốt nghiệp cấp ba bằng tiếng Anh không?

Did you graduate from high school in English? ☐ Có (Yes) ☐ Không (No)

Bạn đã từng thi chứng chỉ tiếng Anh chưa?

(Have you ever taken an English certification exam?) ☐ Có (Yes) ☐ Không (No)

Nếu có chứng chỉ nào? *If yes, 'which kind of certificate?*

Điểm (Scores):

7. Lý lịch tư pháp (Judicial Record)

7.1. Vi phạm pháp luật tại Việt Nam (nếu có) (thời gian, mức độ vi phạm, hình thức xử lý) *Violation of the Vietnamese Law (If any) (Time and Level of Violation)*

7.2. Vi phạm pháp luật tại nước ngoài (nếu có) (thời gian, mức độ vi phạm, hình thức xử lý)
Violation of laws in foreign countries (if any) (time, severity of violation, form of handling)

8. Cam kết (Commitment)

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp ở trên là đầy đủ, chính xác và đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

I confirm that to the best of my knowledge the above information I have provided in this form is true, accurate and complete, I will be responsible for any false information.

Tôi cam kết sẽ thực hiện tốt tất cả các nội quy của Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên cũng như các quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

I commit to fully abide all regulations of Thai Nguyen University of Technology as well as current regulations of the Socialist Republic of Vietnam.

Ngày, giờ, địa điểm
(Date and Location)

Chữ ký (ký và ghi rõ họ tên)
Signature (sign and state fullname)

DANH MỤC HỒ SƠ/ APPLICATION CHECKLIST

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

Each applicant should submit 01 set of documents listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese.

- ☐ 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin
Application form
- ☐ 2. Sơ yếu lý lịch đã điền đầy đủ thông tin
Completed CV
- ☐ 3. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực **bằng tốt nghiệp** theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
Copies and translation of diplomas applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- ☐ 4. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực kết quả học tập (**bảng điểm**) theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
Copies and translation of academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- ☐ 5. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- ☐ 6. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- ☐ 7. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Financial proof to support study, research and living in Vietnam.
- ☐ 8. Thư giới thiệu của nhà khoa học có uy tín (02 bản với ứng viên Thạc sĩ, 03 bản với ứng viên Tiến sĩ)
Letter of recommendation from a reputable scientist (02 for Master Applicants, 03 for PhD Applicants)
- ☐ 9. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, ...(nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements ... (if any).
- ☐ 10. Bản sao hộ chiếu.
Copy of passport.